

**ĐIỂM THI**

**Lớp: Trung cấp Lý luận chính trị khóa 36**  
**Môn: Phần B.II. Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam**  
**Ngày thi: 09/9/2026**

| STT | Họ và tên         | Điểm |                  | STT | Họ và tên             | Điểm               |                  |
|-----|-------------------|------|------------------|-----|-----------------------|--------------------|------------------|
|     |                   | Số   | Bảng chữ         |     |                       | Số                 | Bảng chữ         |
| 1   | Tô Thanh Bình     | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 16  | Dương Thị Nương       | 8,00               | Tám              |
| 2   | Lương Văn Bộ      | 7,00 | Bảy              | 17  | Đàm Thị Nha           | 7,50               | Bảy phẩy năm     |
| 3   | Lục Văn Cao       | 7,00 | Bảy              | 18  | Lý Văn Nhân           | 7,00               | Bảy              |
| 4   | Nguyễn Sỹ Cường   | 7,00 | Bảy              | 19  | Trần Thị Oanh         | 8,00               | Tám              |
| 5   | Bế Kim Dung       | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 20  | Mã Văn Pá             | 7,50               | Bảy phẩy năm     |
| 6   | Hoàng Thúy Điệp   | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 21  | Nông Văn Phác         | 7,00               | Bảy              |
| 7   | Nguyễn Biên Giới  | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 22  | Lương Hà Phụng        | Không đủ điều kiện |                  |
| 8   | Triệu Thị Hiên    | 7,00 | Bảy              | 23  | Nông Hồng Sơn         | 8,00               | Tám              |
| 9   | Hoàng Thị Hường   | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 24  | Điều Đức Thắng        | 8,00               | Tám              |
| 10  | Hoàng Thị Lan     | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 25  | Hoàng Thị Phương Thảo | 8,00               | Tám              |
| 11  | Trương Quỳnh Liên | 8,00 | Tám              | 26  | Hoàng Văn Thọ         | 7,50               | Bảy phẩy năm     |
| 12  | Phương Văn Liễu   | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 27  | Hoàng Đức Thông       | 7,25               | Bảy phẩy hai năm |
| 13  | Đàm Hải Lý        | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 28  | Triệu Văn Thủy        | 7,25               | Bảy phẩy hai năm |
| 14  | Hứa Thị Mới       | 8,00 | Tám              | 29  | Nguyễn Văn Tuấn       | 7,75               | Bảy phẩy bảy năm |
| 15  | Lý Hải Nam        | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 30  | Đàm Anh Tự            | 8,00               | Tám              |

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Đoàn Thị Kim Liên**

**Trương Thị Phương**

**Hoàng Việt Hưng**